

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Quản trị trang trại (208414) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08112005	PHẠM TRƯỜNG AN	DH08TY	1	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08142004	LÊ DUY ANH	DH08DY	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	07146002	PHẠM TUẤN ANH	DH08KT	1	<i>[Signature]</i>	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09122004	VÕ THỊ TUYẾT ANH	DH09QT	1	<i>[Signature]</i>	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08142008	LÊ THANH BÌNH	DH08DY	1	<i>[Signature]</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09120002	NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆM	DH09KT	1	<i>[Signature]</i>	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	08111008	NGUYỄN HẢI DU	DH08CN	1	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	08120004	NINH THỊ DUNG	DH08KT	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09120070	PHẠM NHẤT DUY	DH09KT	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08142026	PHÙNG HOÀNG DUY	DH08DY	1	<i>[Signature]</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	08142031	ĐỖ NGỌC DUY	DH08DY	1	<i>[Signature]</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	08155001	HÀ DUY ĐÀO	DH08KT	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	08121001	LÊ THỊ ĐÀO	DH08KT	1	<i>[Signature]</i>	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08142033	NGUYỄN TẤN ĐẠT	DH08DY	1	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08120038	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH08KT	1	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09120036	PHẠM THỊ DIỆP	DH09KT	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09120037	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	DH09KT	1	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	08161049	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	DH08TA	1	<i>[Signature]</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 54; Số tờ: 54

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

*[Signature]*

*[Signature]*  
Nguyễn Xuân Vinh  
Trần Thị Lê Hằng

*[Signature]*

Th.S. NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

*[Signature]*  
Mai Hoàng Giang



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Quản trị trang trại (208414) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09142025	TRINH NGUYỄN HÁ	DH09DY	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	09122027	BÙI PHI HÀI	DH09QT	1	<i>[Signature]</i>	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08120046	PHẠM THỊ MỸ HẠNH	DH08KT	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	09120006	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	DH09KT	1	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08120008	TRẦN THỊ NGỌC HÂN	DH08KT	1	<i>[Signature]</i>	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	08111013	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	DH08CN	1	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09121002	PHẠM THỊ DIỆU HIỀN	DH09KT	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	07120018	TRẦN XUÂN HOÀNG	DH08KT				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	09122047	NGUYỄN THỊ HOANH	DH09QT	1	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08112100	NGÔ ĐÌNH HÙNG	DH08TY	1	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	09121003	TRƯƠNG DIỆM HUYỀN	DH09KT	1	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08112105	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH08TY	1	<i>[Signature]</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	08122056	TÙ THỊ MỸ KHA	DH08QT	1	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08142069	NGUYỄN NHƯ KIỀU KHANH	DH08DY	1	<i>[Signature]</i>	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	08161088	VÕ VĂN KHẮP	DH08TA	1	<i>[Signature]</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	08161092	PHAN ĐỨC KHƯƠNG	DH08TA	1	<i>[Signature]</i>	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	08122060	BÙI TRÍ KIÊN	DH08QT	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	08112127	BÙI THỊ KIỀU	DH08TY	1	<i>[Signature]</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 54; Số tờ: 54

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

*[Signature]*  
Nguyễn Xuân Vinh  
*[Signature]*  
Đào Thị Lê Hồng

*[Signature]*  
Th.S. NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

*[Signature]*  
Mai Hương Giang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00759

Trang 3/2

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Quản trị trang trại (208414) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09161057	VŨ THANH	LAM	DH09TA	1 Lan	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	08115042	LÂM THỊ THANH	LAN	DH08KT	2 Thanh	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	09120010	PHẠM THỊ TOÀN	LANH	DH09KT	1 Toan	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	09120012	NGUYỄN TRÚC	LINH	DH09KT	1 Truc	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	08161107	TRẦN NHẬT	LINH	DH08TA	1 Nhat	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	08122064	TRƯƠNG THỊ MỸ	LINH	DH08QT	2 My	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	08122065	ĐẶNG PHƯƠNG	LOAN	DH08QT	2 Phuong	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	09120013	PHẠM THỊ	LOAN	DH09KT	1 Thi	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	08122069	NGUYỄN THÀNH	LONG	DH08QT	1 Thanh	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	08122071	NGUYỄN THỊ	LỘC	DH08QT	2 Thi	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	08111020	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH08CN	1 Min	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	08120058	TRỊNH THỊ KIM	LY	DH08KT	1 Kim	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	08120018	PHAN THANH	MINH	DH08KT	1 Thanh	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	09120047	NGUYỄN THỊ HỒNG	MƠ	DH09KT	2 Hong	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	09122088	LÊ THỊ BÉ	NÂM	DH09QT	1 Be	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	09121007	ĐÀO THỊ	NGHĨA	DH09KT	1 Thi	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	08122085	PHẠM THỊ THANH	NHÂN	DH08QT	1 Thanh	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	09122100	PHẠM THỊ MỸ	NHUNG	DH09QT	2 My	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 54.....; Số tờ: 54.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Xuân Vinh  
Trần Thị Lệ Hằng

Th.S. NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Mai Hoàng Giang



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00759

Trang 4/2

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Quản trị trang trại (208414) - Số Tín Chi: 2

Ngày Thi : 16/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	07122132	ĐỖ THỊ LAN	PHƯƠNG	DH08QT	2	<i>Ne</i>	9	
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 54; Số tờ: 54

Cán bộ coi thi 1&2  
*Nguyễn Xuân Vinh*  
*Đào Thị Lê Hằng*

Duyệt của Trường Bộ môn  
*Bp*  
Th.S. NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Cán bộ chấm thi 1&2  
*Mai Hoang Tran*

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00774

Trang 1/2

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Quản trị trang trại (208414) - Số Tín Chi: 2

Ngày Thi : 16/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08122094	NGUYỄN HOÀNG ANH	PHƯƠNG	DH08QT	1	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	08122096	VÕ THỊ NGỌC	PHƯƠNG	DH08QT	1	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	08142142	TRƯƠNG THỊ NHƯ'	QUỲNH	DH08DY	1	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	09120023	NGUYỄN HOÀNG	SANG	DH09KT	1	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	08111032	NGUYỄN MINH	SANG	DH08CN	1	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	08111033	NGUYỄN THỊ THU	SANG	DH08CN	1	9,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	09142087	PHẠM NHẬT HOÀNG	SANG	DH09DY	1	4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	08122104	BÙI VĂN	SONG	DH08QT	1	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	08120065	LÊ THỊ HỒNG	SONL	DH08KT	1	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	07111098	NGUYỄN NGỌC NGÂN	TÂM	DH08CN	1	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
<del>11</del>	<del>08142151</del>	<del>NGUYỄN TRUNG</del>	<del>TÂM</del>	<del>DH08DY</del>			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	09120057	HUỲNH MINH	TẤN	DH09KT	1	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	09161147	NGUYỄN ĐÌNH	THẠCH	DH09TA	1	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	08161183	DƯƠNG ĐỨC	THÁI	DH08TA	1	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	08111038	NGUYỄN HOÀNG	THÁI	DH08CN	1	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	09120071	NÔNG VĂN	THÁI	DH09KT	1	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	08161174	NGUYỄN CHÍ	THANH	DH08TA	1	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	08120071	TRẦN THỊ DẠ	THẢO	DH08KT	1	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 41.....; Số tờ: 41.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 07 năm 2011

R

Hà Thị Thu Hà  
Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên

TH.S NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Nguyễn Trọng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00774

Trang 2/2

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Quản trị trang trại (208414) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08161193	LÊ QUỐC THẾ	DH08TA	1	<i>Quốc</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	08122119	PHẠM THỊ MAI	DH08QT	1	<i>Mai</i>	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08120024	LÊ QUANG THIÊN	DH08KT	1	<i>Quang</i>	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	08161195	NGÔ THỊ THOẠI	DH08TA	1	<i>Thị</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09122133	PHẠM THỊ KIM THƠ	DH09QT	1	<i>Kim</i>	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	08142178	LÊ NGỌC ANH THƯ	DH08DY	1	<i>Anh</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	07120088	TRẦN THÙY TIÊN	DH08KT	1	<i>Thùy</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	07111116	PHAN BÁ TIẾN	DH08CN	1	<i>Bá</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	08142196	HOÀNG THỊ MINH TRANG	DH08DY	1	<i>Minh</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08142199	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	DH08DY	1	<i>Thùy</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	09121013	ĐOÀN THỊ TUYẾT TRINH	DH09KT	1	<i>Tuyết</i>	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08120030	HOÀNG THỊ TUYẾT TRINH	DH08KT	1	<i>Tuyết</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	08120031	NGUYỄN VĂN TRUNG	DH08KT	1	<i>Văn</i>	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08142211	NGUYỄN BÁ TUẤN	DH08DY	1	<i>Bá</i>	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	07120046	ĐÀO QUỐC TUẤN	DH08KT	1	<i>Quốc</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	08161239	LÊ THỊ THANH TUYỀN	DH08TA	1	<i>Thanh</i>	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	09161184	NGUYỄN MINH TƯỜNG	DH09TA	1	<i>Minh</i>	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	09122156	PHAN TÚ UYÊN	DH09QT	1	<i>Tú</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 41.....; Số tờ: 41.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 07 năm 2011

*M. Hà Thị Thu Hòa*  
*M. Nguyễn Mỹ Tiên*

*B. P.*  
Th.S. NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

*M. Hoàng Trang*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00774

Trang 3/2

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Quản trị trang trại (208414) - Số Tín Chi: 2

Ngày Thi : 16/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	08121003	TRẦN THIÊN VẤN	DH08KT	1		6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	09121016	LÊ VŨ	DH09KT	1		7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	09120031	LÊ THỊ THÙY VY	DH09KT	1		8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	08161262	TRẦN THANH XUÂN	DH08TA	1		9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	08120092	BÙI THỊ MỸ Ý	DH08KT	1		8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	08111053	PHAN NHƯ Ý	DH08CN	1		10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 44.....; Số tờ: 44....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 07 năm 2011

TR. S. NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Mai Hoàng Gray